

Bản án số: 130/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2026

V/v: *Không công nhận quan hệ vợ
chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thu Huyền, bà Lương Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2026/TLST-HNGĐ ngày 01-4-2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-6-2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh ngày 01/01/1981. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh V và A D1 (tên gọi khác V và V D1), sinh ngày 01/01/1978. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Sơn La. (Hiện tại đang chấp hành án tại Đội X, phân trại Y, trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: xã H, tỉnh Sơn La).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh V và A D1 (tên gọi khác V và V D1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đến năm 2021 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ngoài ra anh D1 còn sa vào con đường tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật, hiện tại phải đi chấp hành án phạt tù; chị D và anh D1 đã

sống ly thân từ năm 2021 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Vũ Thị D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh V và A D1.

Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh V và A D1 có 02 con chung là: Cháu V và Thị M, sinh năm 2000 và cháu V và A X, sinh năm 2003. Hiện nay cháu M và cháu X đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình ở riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Vũ Thị D cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai bị đơn anh V và A D1 trình bày (Có xác nhận của Trại giam Yên Hạ):

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và A D1 và chị Vũ Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La (nay là xã C, tỉnh Sơn La). Quá trình chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì. Anh V và A D1 xác định vẫn còn tình cảm với chị Vũ Thị D và yêu cầu Tòa án không giải quyết ly hôn giữa anh V và A D1 và chị Vũ Thị D.

Về con chung: Anh V và A D1 và chị Vũ Thị D có 02 con chung là: Cháu V và Thị M, sinh năm 2000 và cháu V và A X, sinh năm 2003. Hiện nay cháu M và cháu X đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình ở riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V và A D1 cam đoan không có nợ chung.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 05/6/2026 xác định: Chị Vũ Thị D và anh V và A D1 (tên gọi khác V và V D1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 và không đăng ký kết hôn với nhau, đến thời điểm hiện tại cũng không có đăng ký kết hôn với ai. Quá trình chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau nữa. Hiện nay anh D1 đang đi chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ. Chị Vũ Thị D và anh V và A D1 (tên gọi khác V và V D1) có 02 con chung: Cháu V và Thị M, sinh năm 2000 và cháu V và A X, sinh năm 2003. Hiện nay cháu M và cháu X đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình ở riêng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Vũ Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị D giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh V và A D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh D1 giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ và Vũ D1).

Về con chung: Cháu Vũ Thị M, sinh năm 2000 và cháu Vũ A X, sinh năm 2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Vũ Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Vũ Thị D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ và Vũ D1) nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ và Vũ D1) có nơi trú tại Bản T, xã C, tỉnh Sơn La, do vậy đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị D, bị đơn anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ V D1) vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về thủ tục hòa giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ V D1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 và không đăng ký kết hôn. Chị D yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Vũ A D1. Anh Vũ A D1 không nhất trí.

Xét thấy: Chị Vũ Thị D và anh Vũ A D1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định. Quá trình chung sống chị D và anh D1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Từ năm 2021 chị D và anh D1 không còn chung sống với nhau nữa.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ V D1) là vợ chồng.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ V D1) có 02 con chung là cháu Vũ Thị M, sinh năm 2000 và cháu Vũ A X, sinh năm 2003 (các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động), không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị D và anh Vũ A D1 (tên gọi khác Vũ V D1) xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu được miễn án phí. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Vũ Thị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử: Chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Vừ Thị D đối với anh V và A D1 (tên gọi khác V và Vả D1).

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Vừ Thị D và anh V và A D1 (tên gọi khác V và Vả D1) là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu V và Thị M, sinh năm 2000 và cháu V và A X, sinh năm 2003 (các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động). Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vừ Thị D và anh V và A D1 (tên gọi khác V và Vả D1) xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Vừ Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vừ Thị D, anh V và A D1 (tên gọi khác V và Vả D1) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- UBND xã C, tỉnh Sơn La;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tiến Dũng